

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GẮN VỚI TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

PHẠM TÚ TÀI*

Ngày nhận bài: 8/12/2021

Nhận kết quả phản biện: 14/12/2021

Duyệt đăng: 9/1/2022

Tóm tắt: Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm giải quyết mối quan hệ này trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Công bằng xã hội; tăng trưởng kinh tế; tiến bộ xã hội.

Đặt vấn đề

Ngay từ những năm đầu đổi mới đất nước, Đảng đã xác định mô hình kinh tế giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Đó là, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay từ đầu, trong từng bước và trong từng chính sách phát triển. Điều đó có nghĩa rằng, “Không chờ kinh tế phát triển cao rồi mới giải quyết các vấn đề xã hội mà ngay trong từng bước và suốt quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội” [2].

Tuy nhiên, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội là vấn đề hết sức phức tạp, thậm chí đôi khi còn mâu thuẫn với nhau. Vì vậy, giải quyết hài hòa quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là một nội dung quan trọng và là yêu cầu cấp thiết trên con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

1. Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội

Tăng trưởng kinh tế thuần túy là sự tăng thêm của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thực tế trong một thời gian nhất định, thường

là một năm. Tăng trưởng kinh tế thuần túy không tính đến phương thức, hiệu quả tăng trưởng; không hàm ý đối tượng tham gia và hưởng thụ thành quả tăng trưởng; không tính đến sự ảnh hưởng của tăng trưởng đến xã hội. Vì vậy, tăng trưởng kinh tế có thể tác động thuận chiều hoặc ngược chiều đối với tiến bộ và công bằng xã hội.

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, cải thiện mức sống cho người lao động. Nhờ tăng trưởng kinh tế, Nhà nước có thêm nguồn thu cho ngân sách, qua đó tăng cường đầu tư cho giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Thứ hai, tiến bộ và công bằng xã hội là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Xã hội công bằng, tiến bộ là điều kiện quan trọng để khơi dậy khát vọng phát triển trong mỗi cá nhân, tổ chức. Một xã hội tiến bộ, con người được phát triển tự do, toàn diện là yếu tố quyết định chất lượng nguồn nhân lực, sự phát triển của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đây là những điều kiện để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

* Học viện Chính trị khu vực I.

Thứ ba, nếu quá đề cao mục tiêu tăng trưởng kinh tế thì sẽ ảnh hưởng đến tiến bộ và công bằng xã hội. Việc chạy theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế đơn thuần sẽ dẫn đến bất bình đẳng trong phân bổ nguồn lực, đây là nguyên nhân chính dẫn đến phân hóa giàu-nghèo. Mặt khác, vì mục tiêu tăng trưởng kinh tế buộc phải cắt giảm đầu tư cho phúc lợi, an sinh xã hội để tăng nguồn lực cho tăng trưởng. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của người nghèo. Ngoài ra, vì khát vọng tăng trưởng kinh tế cao, đôi khi hoạt động đầu tư “quên mất” khía cạnh môi trường. Khi môi trường bị hủy hoại, phúc lợi của người nghèo, người yếu thế trong xã hội là đối tượng tổn hại nhiều nhất.

Thứ tư, thực hiện công bằng xã hội theo kiểu “cào bằng” có thể dẫn đến triệt tiêu động lực tăng trưởng kinh tế. Để thực hiện công bằng về cơ hội, nhiều khi nguồn lực phải phân bổ vào những nơi kém hiệu quả, hạn chế việc đổi mới công nghệ và công nghiệp hóa nên ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, để tăng đầu tư cho các mục tiêu tiến bộ xã hội, chính phủ phải dựa chủ yếu vào nguồn thu chính của ngân sách nhà nước là thuế. Khi chính sách thuế quá hà khắc tất yếu sẽ triệt tiêu động lực của nền kinh tế, do đó ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.

2. Thực trạng giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam

Trên thế giới, việc giải quyết quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội được các quốc gia lựa chọn theo những mô hình khác nhau. Một số nước như Mỹ, Canada, Nhật Bản... trong giai đoạn đầu phát triển đã phải chấp nhận bất bình đẳng về thu nhập để ưu tiên mục tiêu tăng trưởng kinh tế; Liên Xô (cũ) và các nước Đông Âu trước đây lại ưu tiên giải quyết các vấn đề xã hội trước khi thực hiện quá trình tăng trưởng kinh tế;

Một số quốc gia Bắc Âu trong quá trình phát triển đã thử nghiệm lựa chọn mô hình kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội và đã thu được những thành tựu đáng kể trong việc gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Ở nước ta, ngay những năm đầu đổi mới đất nước, Đảng đã chủ trương thực hiện mô hình kinh tế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Đây là một sự lựa chọn sáng suốt, phù hợp với mục tiêu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã lựa chọn. Trong suốt 35 năm đổi mới, với sự nỗ lực xây dựng một xã hội mà con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội được chúng ta giải quyết một cách khá hài hòa và thu được những kết quả đáng ghi nhận.

Thứ nhất, về tăng trưởng kinh tế: Công cuộc đổi mới đã đưa nước ta thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội của những năm 1980. Nền kinh tế khởi sắc từ những năm đầu đổi mới và đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất vào năm 1995 (9,54%)[4]. Tốc độ tăng trưởng bình quân trong suốt 35 năm đổi mới đạt khoảng 7%/năm, đây là mức tăng trưởng khá cao. Đặc biệt, thành tựu tăng trưởng kinh tế đã đưa Việt Nam thoát khỏi nhóm thu nhập thấp và gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình vào năm 2009. Bên cạnh tốc độ tăng trưởng cao, chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế cũng được cải thiện. Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ; trình độ công nghệ của cả nền kinh tế có bước tiến khá dài và vững chắc. Kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định; lạm phát được kiểm soát; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản đảm bảo. Nhìn

chung, những thành tựu tăng trưởng kinh tế cho phép Việt Nam tự lực về mặt vật chất để thực hiện mục tiêu gắn tăng trưởng kinh tế với tiên bộ và công bằng xã hội.

Thứ hai, gắn tăng trưởng kinh tế với xóa đói, giảm nghèo bền vững và thu hẹp khoảng cách về mức sống dân cư: Ngay từ những năm đầu đổi mới, cùng với quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các chủ trương, chính sách, pháp luật về xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội, việc làm và thu nhập đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện. Nước ta đã hoàn thành và về đích trước 10 năm so với Mục tiêu Thiên niên kỷ về giảm nghèo, được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Sau 35 năm qua, nước ta đã đưa được khoảng 40 triệu người thoát khỏi nghèo đói. Mặc dù chuẩn nghèo liên tục được điều chỉnh nâng lên; từ tiếp cận nghèo đơn chiều sang đa chiều nhưng tỷ lệ hộ nghèo ở nước ta vẫn giảm mạnh. Theo thống kê, năm 1993, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam là 58,1%; năm 2015: 7,0%; năm 2019: 3,75%; năm 2020, dự kiến còn: 2,75% [7]. Tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các xã biên giới, vùng dân tộc và miền núi giảm khoảng 3-4%/năm; tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số giảm bình quân 4%/năm. Thu nhập bình quân của hộ nghèo tăng nhanh, đến cuối năm 2020 tăng gấp 1,6 lần so với năm 2015 [4].

Bên cạnh những nỗ lực gắn tăng trưởng kinh tế với xóa đói giảm nghèo, việc thực hiện công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, về trình độ phát triển giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư cũng được Đảng và Nhà nước chú trọng. Để thực hiện công bằng xã hội, Đảng ta chủ trương thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo lao động là chủ yếu, đồng thời phân phối theo sự đóng góp các yếu tố nguồn lực

khác vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt khác, không chỉ quan tâm đến công bằng xã hội trong phân phối kết quả sản xuất, Đảng ta còn thực hiện chủ trương thực hiện công bằng về cơ hội: “Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình” [2].

Chủ trương của Đảng ta về thực hiện gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội đã được cụ thể hóa bằng các chính sách về an sinh xã hội, chính sách đầu tư, chính sách xóa đói, giảm nghèo... mà những thành tựu đạt được về phát triển kinh tế - xã hội là một minh chứng sáng lạng. Cho đến nay, tuy ít nhiều có ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường, song mức độ bất bình đẳng về thu nhập, khoảng cách về trình độ phát triển của các vùng, các tầng lớp dân cư đã được thu hẹp. Đáng chú ý hơn, tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta đã cải thiện về mức sống và trình độ phát triển của những người yếu thế, những vùng khó khăn một cách đáng kể.

Thứ ba, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển con người: Phát triển con người là mục tiêu trong chiến lược phát triển đất nước mà Đảng đã xác định. Chính vì vậy, ngay từ đầu, ngay trong từng chính sách, Đảng và Nhà nước đều quán triệt quan điểm đó. Những thành tựu đạt được trong gắn tăng trưởng kinh tế và phát triển con người ở nước ta được thể hiện rõ nét trong mọi thành tựu của công cuộc đổi mới. Đó là, mức sống về vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên, là sự phát triển ngày càng toàn diện, tự do của mỗi thành viên xã hội. Theo đánh giá thường niên của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), sự phát triển con người của Việt Nam thông qua chỉ số phát triển con người (HDI) liên tục được cải thiện. Nhờ những tiến bộ về y tế, giáo dục, cũng như thành tựu

tăng trưởng kinh tế mà Việt Nam đã được xếp vào nhóm có chỉ số HDI cao của thế giới. Kể từ năm 1990 - lần đầu tiên được công bố, chỉ số phát triển con người của nước ta liên tục được cải thiện. Giá trị tuyệt đối của chỉ số phát triển con người (HDI) liên tục ngày càng cao. Tuổi thọ trung bình, số năm đi học bình quân tăng lên và đạt mức cao. Từ năm 1990 đến năm 2019, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng 10,6 tuổi và xếp thứ 77 thế giới, đứng trên 40 bậc so với xếp hạng thu nhập. Trong khi đó, số năm đi học bình quân cũng tăng nhanh trong những năm gần đây. Nếu như năm 2013, số năm đi học bình quân của người Việt Nam là 5,5 năm thì đã tăng lên và đạt 8,3 năm vào năm 2019 và đứng trên 07 bậc so với xếp hạng thu nhập[1].

Thứ tư, gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện an sinh xã hội: Bên cạnh chương trình xóa đói giảm nghèo, việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội khác luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện. Đảng và Nhà nước coi đây vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển, đồng thời thể hiện tính ưu việt của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Với quan điểm trên, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn nỗ lực trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách về việc làm; bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế; công tác trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; hệ thống các dịch vụ cơ bản, thiết yếu... Nhờ vậy, tỷ lệ thất nghiệp luôn ở mức thấp, bảo hiểm xã hội được mở rộng, bảo hiểm y tế cơ bản được phủ rộng toàn dân... Đối tượng thụ hưởng trợ giúp xã hội được mở rộng, mức chuẩn trợ cấp được điều chỉnh ngày càng hợp lý, góp phần giúp đỡ các đối tượng yếu thế trong xã hội ổn định cuộc sống. Hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu như giáo dục và đào tạo, y tế, nước sạch, nhà ở... được Nhà nước chăm lo ngày càng tốt hơn.

Bên cạnh những kết quả tích cực, việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta thời gian qua vẫn còn một số bất cập, hạn chế sau đây:

Một là, tăng trưởng kinh tế tuy đã đạt mức khá cao nhưng chưa đủ để tạo ra đột phá trong thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội: Tăng trưởng kinh tế vẫn chưa xứng với tiềm năng và nhu cầu. Tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm xuống. Giai đoạn 2011-2020 tăng trưởng bình quân chỉ đạt khoảng 6%/năm và chưa đạt mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020 đề ra[3]. Bên cạnh đó, tăng trưởng chưa thực sự bền vững, phụ thuộc ngày càng nhiều hơn vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nên tác động của tăng trưởng kinh tế đến GNI/người tăng chậm hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Hai là, tuy mức sống của tầng lớp dân cư có thu nhập thấp đã được cải thiện, song hiện tượng phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội ngày càng gia tăng. Mức độ chênh lệch thu nhập và cơ hội tham gia vào quá trình tăng trưởng kinh tế còn khá cao; nhiều vấn đề về xã hội, môi trường chưa được giải quyết tốt, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; văn hóa phát triển chưa tương xứng với các lĩnh vực khác của đất nước; chất lượng giáo dục, y tế và nhiều dịch vụ công ích khác còn hạn chế.

Ba là, những tác động tiêu cực của tăng trưởng kinh tế đến tiến bộ và công bằng xã hội đôi khi tại một số vùng, miền còn khá lớn. Hiện tượng đánh đổi môi trường để lấy tăng trưởng kinh tế vẫn còn diễn ra; việc đầu tư nhà nước cho xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội hiệu quả chưa cao, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. “Đạo đức xã hội có mặt xuống cấp; tội phạm và các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp. Đặc biệt tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và

đạo đức lối sống vẫn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên”[5].

Bốn là, một bộ phận dân cư còn thiếu những kỹ năng cơ bản, cần thiết để tham gia vào quá trình tăng trưởng kinh tế nên việc làm thiếu ổn định, thu nhập thấp, đời sống còn nhiều khó khăn. Những đối tượng này thường ít có khả năng ổn định cuộc sống trước những cú sốc về môi trường, dịch bệnh... Trong khi đó nguồn lực trợ giúp từ Nhà nước và xã hội chưa đủ lớn để giúp họ ổn định cuộc sống, đặc biệt như bối cảnh dịch Covid-19 hiện nay.

3. Một số giải pháp gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng khẳng định: Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội[3]. Để thực hiện định hướng nói trên, trong thời gian tới, cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trong mối quan hệ này, cần hiểu rõ, tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần, là cơ sở vật chất để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Muốn xây dựng một xã hội tiến bộ, công bằng, văn minh thì phải có sự đảm bảo về vật chất, đó là tăng trưởng kinh tế. Mặt khác, kinh tế chỉ tăng trưởng nhanh và bền vững trên một nền tảng xã hội công bằng, tiến bộ. Vì vậy, không thực hiện tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá, lại càng không thể chờ đợi khi tiềm lực kinh tế đủ mạnh rồi mới quan tâm đến tiến bộ và công bằng xã hội. Tuy nhiên, nếu quá đề cao việc đầu tư thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, trong khi kinh tế không tăng trưởng thì sẽ là duy ý chí và không có khả năng thực hiện.

Hai là, tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế. Đây là giải pháp cơ bản nhằm khắc phục những hạn chế về tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua. Để mô hình tăng trưởng chuyển mạnh từ chiều rộng sang chiều sâu, cần đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, bao trùm để phát huy lợi thế, tiềm năng và động lực của các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Việc đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế là điều kiện cơ bản, có ý nghĩa quyết định tăng trưởng nhanh trong dài hạn, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, thực hiện tăng trưởng bao trùm.

Đẩy mạnh cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế, nâng cao hiệu quả đầu tư, đặc biệt là đầu tư từ ngân sách nhà nước; thúc đẩy các loại thị trường, các khu vực, các vùng kinh tế phát triển; tạo sự vững chắc, chủ động trong cơ cấu đầu tư, cơ cấu xuất nhập khẩu; phát huy lợi thế, vai trò của các ngành, vùng kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; tăng cường tính chủ động, chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện các chính sách hướng tới tăng trưởng bao trùm. Tăng trưởng bao trùm là mô hình tăng trưởng kinh tế mà ở đó quá trình tăng trưởng tạo ra và đảm bảo những lợi ích hay cơ hội kinh tế cho mọi thành viên, mọi vùng, mọi hình thức sở hữu, mọi loại hình doanh nghiệp. Như vậy, tăng trưởng bao trùm chính là mảnh ghép hoàn hảo của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hay nói cách khác, tăng trưởng bao trùm cho phép gắn tăng

trường kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Trong thời gian tới, việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần chú trọng nhiều hơn đến các chính sách thúc đẩy tăng trưởng bao trùm. Đó là các chính sách liên quan đến phân bổ các nguồn lực; chính sách đầu tư theo vùng kinh tế; chính sách về thành phần kinh tế, khu vực kinh tế, loại hình doanh nghiệp; chính sách về lao động, việc làm; chính sách xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội...

Bốn là, nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia như: lao động, việc làm; xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững... Việc thực hiện các chính sách cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các chính sách, các cấp, các ngành. Cần quan tâm nhiều hơn đến hiệu quả, tính bền vững trong thực hiện chính sách, tránh tình trạng thực hiện theo phong trào, hình thức, hiệu quả thấp.

Kết luận

Xác định mô hình gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Ngay từ những năm đầu đổi mới đất nước, Đảng đã chủ trương lồng ghép các mục tiêu phát triển xã hội vào trong từng chính sách kinh tế. Đồng thời, phát huy được những mặt tích cực trong phát triển xã hội để thúc đẩy kinh tế phát triển. Nhờ đó, những thành tựu mà chúng ta đạt được là tương đối toàn diện: kinh tế tăng trưởng khá cao, văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, con người Việt Nam được phát triển. Để tiếp tục thu được những thành tựu, thực hiện thành công các mục tiêu đã xác định, trong những năm tiếp theo, chúng ta cần nhận thức đầy đủ, để nắm vững và thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường mà Đảng đã xác định.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc, *Báo cáo phát triển con người* giai đoạn 1991-2020.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [4] Minh Đức (2008), *Việt Nam vượt qua 3 cuộc khủng hoảng*, Trang điện tử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- [5] Nhóm phóng viên thời sự (2021), *Những bằng chứng sinh động từ thành tựu của đất nước*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
- [6] Trần Quỳnh (2020), *Phán đấu đến 2045, Việt Nam không còn là quốc gia có đói nghèo*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
- [7] Tổng cục Thống kê, *Báo cáo kết quả khảo sát mức sống dân cư* giai đoạn 1993-2020.
- [8] Nguyễn Phú Trọng (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản điện tử.